

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 25 - 8 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con, chia tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường
Bà Trần Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Bùi Thị Cẩm Linh
– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLPT – HNGĐ ngày 30 tháng 7
năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 35/2020/HNGĐ-ST ngày 18
tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long bị kháng
cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm: 32/2020/QĐ-PT ngày 05
tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1979 (Có mặt).
Địa chỉ: Số 79/6E, X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Văn V – Luật sư Văn phòng luật sư Hà Văn V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thị Lệ Q, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 159/4/1/18 đường X2, phường Y2, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long.

Do có kháng cáo của: Ông Huỳnh Văn B – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Huỳnh Văn B trình bày:*

Sau thời gian tìm hiểu, ông và bà Q tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/9/2016 tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên ngày 31/8/2017 bà Q tự ý bỏ nhà đi và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông B yêu cầu được ly hôn với bà Q. Về con chung: Không có; Về tài sản chung: có 21 chỉ vàng 24K và 40.000.000đồng hiện do bà Q quản lý; ông B yêu cầu chia cho ông 10 chỉ vàng 24K. Về nợ chung: không có.

** Tại nêu ý kiến ngày 22/01/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Trần Thị Lệ Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Q đồng ý theo yêu cầu ly hôn của ông B; Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thành K, sinh ngày 18/02/2018, hiện do bà Q nuôi dưỡng, bà Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con một lần bằng số tiền 259.000.000đồng, nếu cấp dưỡng hàng tháng thì yêu cầu mỗi tháng là 2.000.000đồng. Về tài sản chung: Bà Q thừa nhận trước đây có quản lý tài sản như ông B trình bày, nhưng hiện nay không còn

vì từ lúc mang thai, sinh con cho đến nay bà đã bán số vàng để trang trải cuộc sống nuôi con. Do đó, bà không đồng ý chia cho ông B. Về nợ chung: không có.

**Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 35/2020/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:*

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83, 88, 110, 116, 117 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa ông Huỳnh Văn B và bà Trần Thị Lệ Q.

2. Về con chung: Xác định ông Huỳnh Văn B và bà Trần Thị Lệ Q là cha mẹ đẻ của cháu Trần Thành K, sinh ngày 18/02/2018. Giao cháu K cho bà Q nuôi dưỡng. Ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng), bắt đầu thực hiện từ khi tuyên án cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi. Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con trẻ khi cần thiết có thể thay đổi quyền nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn B về việc yêu cầu bà Q chia tài sản chung bằng 10 (Mười) chỉ vàng 24k.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về, án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 29/6/2020 nguyên đơn Nguyễn Văn B kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Hủy một phần bản án sơ thẩm tuyên xử về con chung, về phần án phí và chi phí tố tụng khác. Dành cho bị đơn một vụ kiện khác về việc xác định cha, mẹ cho con và cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp không hủy một phần bản án nêu trên mà tiếp tục giải quyết việc tranh chấp xác định cha, mẹ cho con và cấp dưỡng nuôi con thì yêu cầu giám định lại ADN cho cháu Trần Thành K tại Phân viện Pháp y Quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh để làm căn cứ xác định cha, mẹ cho con và cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Trần Thị Lệ Q trình bày: Không yêu cầu Tòa án xem xét phần con chung.

Nguyên đơn Huỳnh Văn B trình bày: Rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Do bị đơn bà Trần Thị Lệ Q không yêu cầu xem xét phần con chung của ông B, bà Q. Ông B rút yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy và đình chỉ phần con chung.

Vị Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến về tính có căn cứ và hợp pháp việc kháng cáo của nguyên đơn Huỳnh Văn B về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo và đề nghị chấp nhận yêu cầu rút kháng cáo của nguyên đơn. Hủy và đình chỉ một phần bản án sơ thẩm về con chung. Ông B phải nộp án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 29/6/2020 nguyên đơn Huỳnh Văn B kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định. Nên đơn kháng cáo của ông B được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án ông B trình bày giữa ông và bà Q chung sống không có con chung.

Bị đơn Trần Thị Lệ Q trình bày trong thời gian chung sống bà và ông B có 01 con chung cháu Trần Thành K, sinh ngày 18/02/2018.

Tại kết luận giám định số: 2830/C09B, ngày 26/7/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận cháu K là con chung của ông B và bà Q.

Tại bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST, ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Z xác định cháu K là con chung của ông B, bà Q. Ông B không đồng ý nên sau khi án sơ thẩm tuyên ngày 26/7/2020 ông B kháng cáo phần con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn Trần Thị Lệ Q không yêu cầu xem xét phần con chung và cấp dưỡng. Nguyên đơn Huỳnh Văn B rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử hủy và đình chỉ phần con chung.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn B phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 4 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân; về tài sản chung; về nợ chung; về chi phí giám định, về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

[5] Xét lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, áp dụng đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 311 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Hủy và đình chỉ một phần Bản án sơ thẩm số: 35/2020/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 51, 56, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy và đình chỉ giải quyết về phần con chung do các bên không yêu cầu.
2. Về án phí phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn B phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo lai thu số 0005501, ngày 30/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long. Ông B không phải nộp thêm.
3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân; về tài sản chung; về nợ chung; về chi phí giám định; về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND TP.Z: 01;
- Chi cục TP.Z: 01;
- UBND phường X: 01;
- Đ/s: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tư